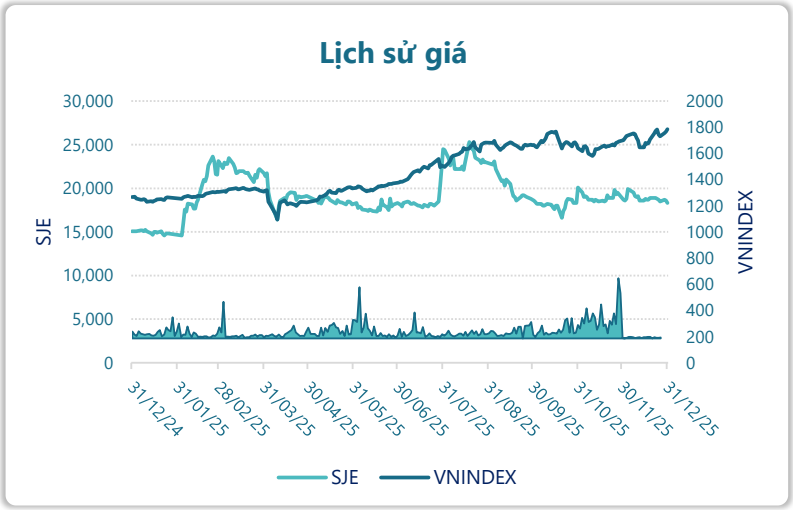
FireAnt

CTCP Sông Đà 11 (HNX: SJE)



Thông tin giao dịch	31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**18,300**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	25,300
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	14,585
SL cổ phiếu LH	40,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	99,635
% sở hữu nước ngoài	0.3%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	732
P/E	5.2
EPS	3,550

DT thuần

Q4/25

420

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 63.0| 17.7%

YoY: ▼276| -39.6%

LN sau thuế

Q4/25

17.7

tỷ VNĐ

QoQ: ▼51.4| -74.4%

YoY: ▼37.6| -68.0%

Tỷ suất lãi EBIT

2025

17.3%

+/- YoY: ▲ 5.8%

DT thuần

2025

1,672

tỷ VNĐ

YoY: ▼688| -29.1%

LN sau thuế

2025

166

tỷ VNĐ

YoY: ▼4.00| -2.6%

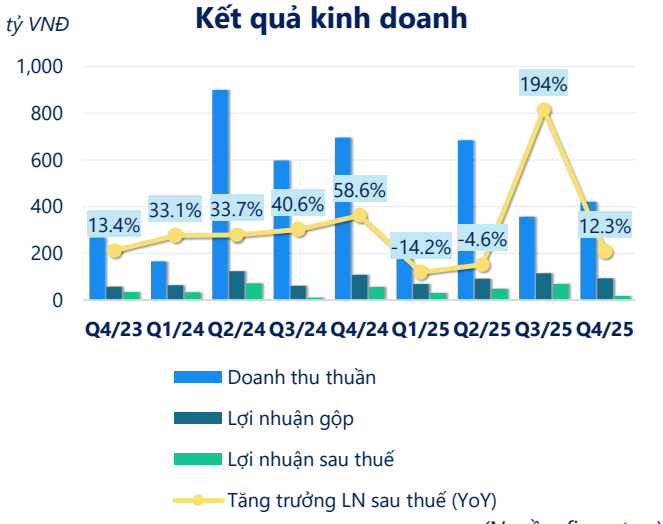
ROE

2025

12.1%

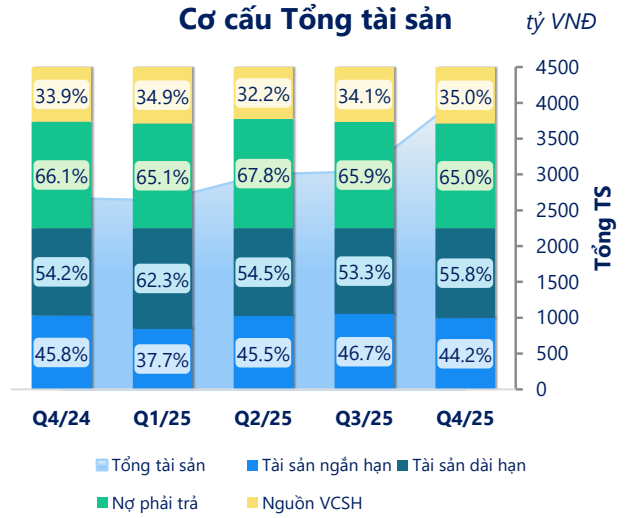
+/- YoY: ▼ 6.6%

Kết quả kinh doanh



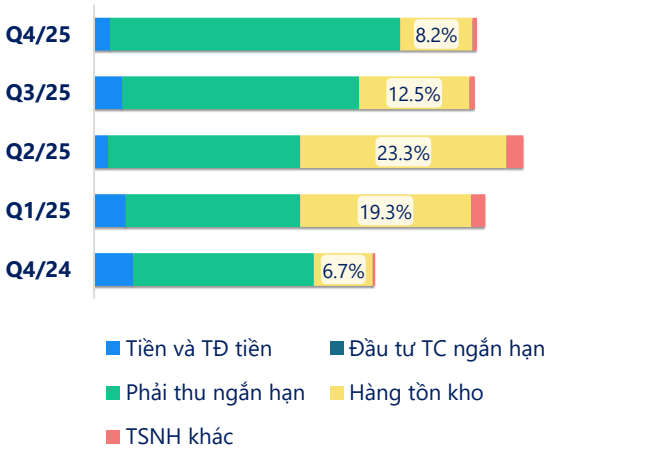
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



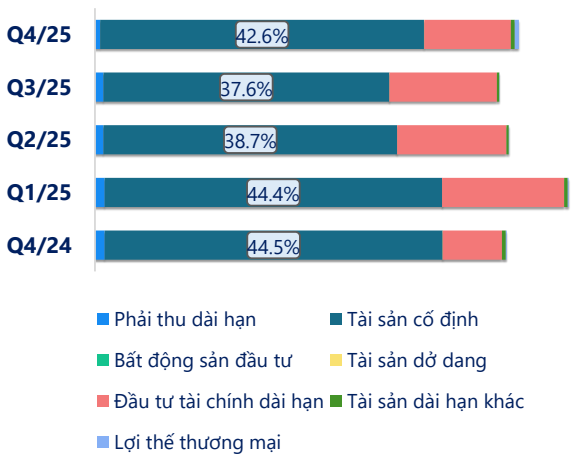
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



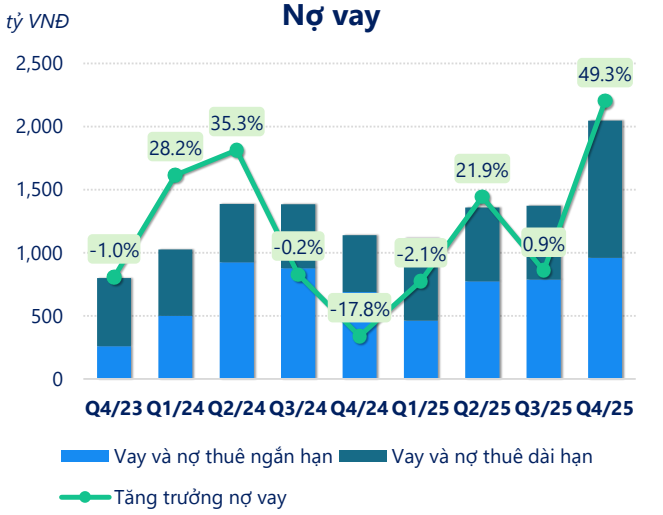
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



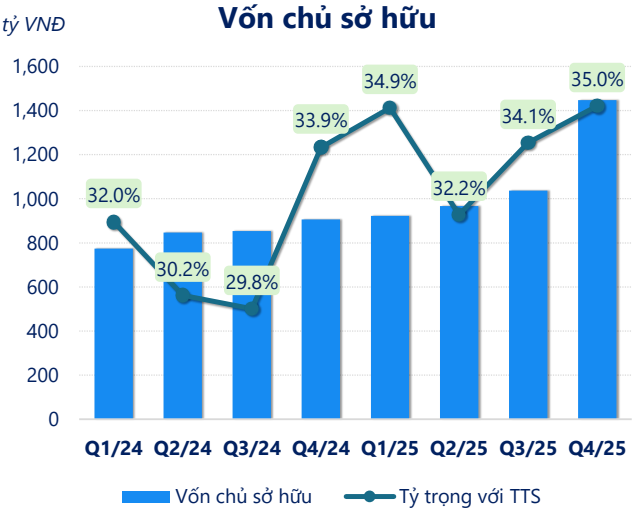
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



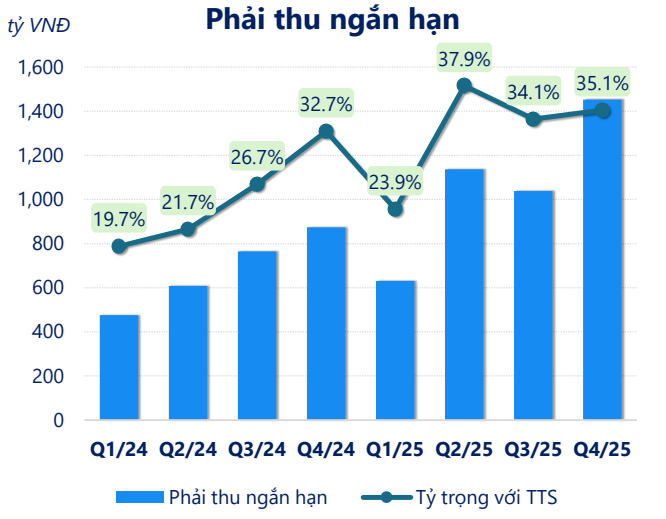
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



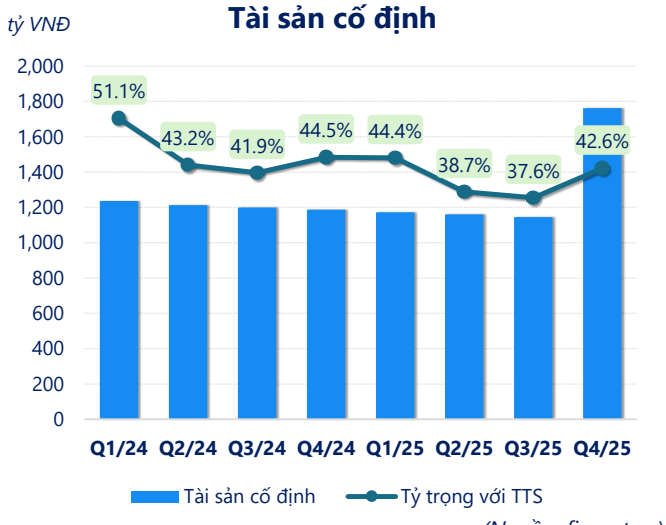
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



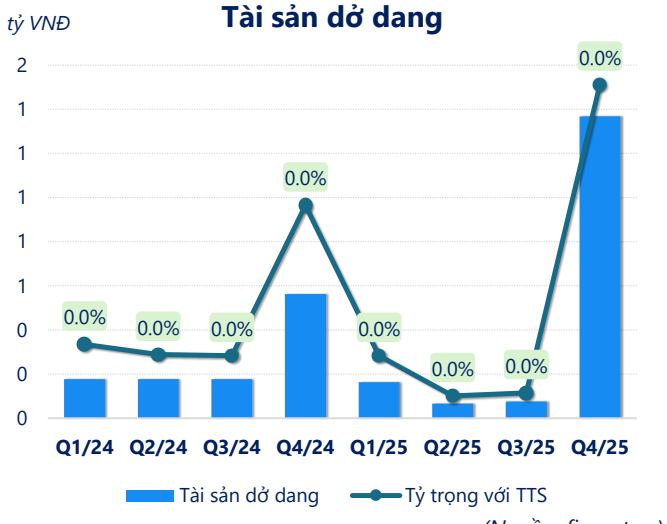
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



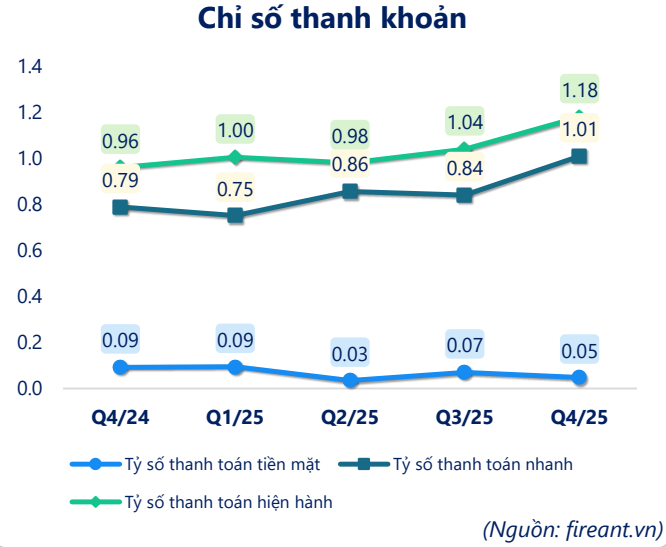
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



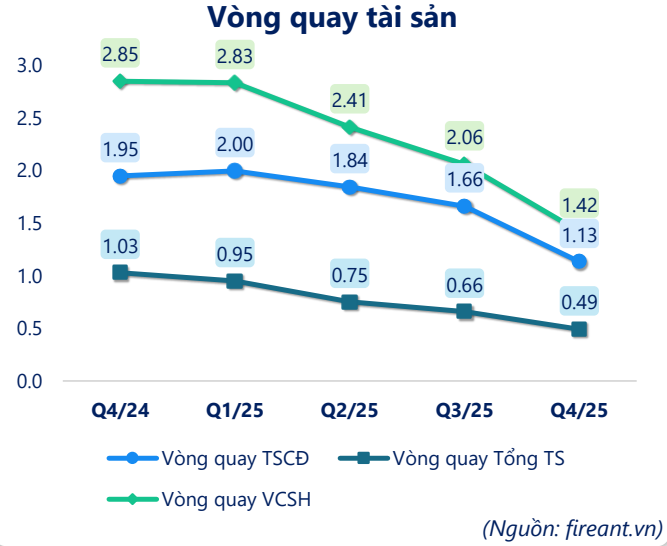
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Tổng tài sản	**2,669**	**2,640**	**3,002**	**3,044**	**4,136**
Tài sản ngắn hạn	**1,222**	**994**	**1,365**	**1,422**	**1,827**
Tiền và tương đương tiền	117	93.7	48.2	96.2	74.5
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0.08	2.28	2.78	2.76	21.4
Phải thu ngắn hạn	874	631	1,137	1,039	1,453
Hàng tồn kho	218	250	172	271	264
Tài sản ngắn hạn khác	13.6	16.9	4.88	13.5	15.2
Tài sản dài hạn	**1,446**	**1,645**	**1,637**	**1,621**	**2,308**
Phải thu dài hạn	33.8	33.8	33.8	33.8	28.6
Tài sản cố định	1,188	1,172	1,161	1,146	1,763
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	0.56	0.16	0.07	0.08	1.37
Đầu tư tài chính dài hạn	207	424	431	431	471
Tài sản dài hạn khác	14.1	12.9	9.33	8.74	20.7
Lợi thế thương mại	2.87	2.44	2.01	1.65	23.6
Nợ phải trả	**1,763**	**1,717**	**2,035**	**2,007**	**2,689**
Nợ ngắn hạn	**1,272**	**989**	**1,392**	**1,368**	**1,548**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	689	463	772	788	960
Phải trả người bán ngắn hạn	330	203	250	221	261
Nợ dài hạn	491	728	642	639	1,140
Vay và nợ thuê dài hạn	449	652	587	584	1,088
Nguồn vốn chủ sở hữu	**906**	**922**	**967**	**1,036**	**1,447**
Vốn chủ sở hữu	**906**	**922**	**967**	**1,036**	**1,447**
Vốn điều lệ	242	242	242	242	400
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)